

Số: 205/2024/QĐCNTTLH

Thành phố Thủ Đức, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông **Phan Duy L** và bà **Ngô Thị Hồng L1**;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn yêu cầu đề ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của ông **Phan Duy L** và bà **Ngô Thị Hồng L1**.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Ông **Phan Duy L**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: **B Đường số C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bà **Ngô Thị Hồng L1**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: **B Đường số C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2024 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2024, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phan Duy L** và bà **Ngô Thị Hồng L1** thuận tình ly hôn.

(Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà L1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 28/4/2009 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Ông L và bà L1 có 01 con chung là Phan Thị Minh A, sinh ngày 23/9/2009. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà L1 trực tiếp nuôi. Ông L cấp dưỡng cho con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trúc Chi